

Ảnh hưởng từ Luận án tiến sĩ Luật học năm 1936 đối với sự nghiệp tư pháp của Chánh án Phạm Văn Bạch

Bùi Thị Hà^(*)

Tóm tắt: *Phạm Văn Bạch từ thuộc địa đến nước Pháp du học đã thực hiện thành công bản luận án tiến sĩ với nội dung mà ngay ở chính quốc lúc đó “chưa có sinh viên nào nghĩ đến”. Nhưng điều quan trọng là luận án đó có thể vận dụng vào thực tiễn ở trong nước hay không? Tiến sĩ Luật học Phạm Văn Bạch đã mở đầu cho một quá trình thực nghiệm ấy, để kiểm nghiệm và đem ảnh hưởng của tư tưởng và kết quả luận án vào công hiến thực sự cho nền tư pháp của Việt Nam từ đó trở đi.*

Từ khóa: Phạm Văn Bạch, Chánh án Phạm Văn Bạch, Luận án tiến sĩ, Luật học, Nước Nga Xô viết, 1936

Abstract: *Pham Van Bach, an Indochinese student in France, successfully defended a doctoral thesis with his theories that “no student dared to think of” in the host country during that time. However, the question lies in the fact whether the thesis could be applied in the native country. Doctor of Jurisprudence Pham Van Bach pioneered such an experimental process, to test and bring the thesis’s ideas and results into practice in Vietnam’s judiciary from then on.*

Keywords: Pham Van Bach, Chief Justice Pham Van Bach, Doctoral Thesis, Jurisprudence, Soviet Russia, 1936

1. Mở đầu

Sự nghiệp tư pháp của Luật sư Phạm Văn Bạch (1910-1986) không đến sớm như ông mong đợi, bởi năm 1932 với hai bằng Cử nhân Luật học và Cử nhân Triết học, khi ông “xin một chân luật sư tập sự, họ đòi tiền, không có”, thậm chí khi ông “đến xin chỗ rửa bát đĩa, họ cho biết là đã thừa người” (Nhiều tác giả, 1999: 77). Vậy nên, ông quyết tâm học lên cao hơn, năm 1935 “bắt đầu viết luận án tốt nghiệp Tiến sĩ Luật” (Nhiều tác giả, 1999: 78). Năm 1936, ông đã bảo vệ luận án đạt hạng ưu.

Phạm Văn Bạch cho biết, kỷ niệm đáng nhớ nhất của ông trong bảo vệ luận án năm ấy, không phải chỉ là việc “Giáo sư Francois Perroux, một người theo chủ nghĩa phát xít, đã mời tôi vào quán cà phê, khen luận án”; mà còn là việc ông Chánh chủ khảo ấy “nói riêng với tôi” như một cảnh báo: “Trước hội đồng chấm thi, tôi sẽ để cho Anh qua, nhưng sau này gặp chỗ khác, tôi sẽ không để cho Anh qua đâu, vì tôi hoàn toàn chống đối những tư tưởng trình bày trong luận án” (Nhiều tác giả, 1999: 78).

2. Một vài nét về Phạm Văn Bạch và bản Luận án tiến sĩ của ông

Phạm Văn Bạch sinh ngày 18/6/1910 tại làng Long Đức, xã Trà Nhiêu thượng,

^(*) TS., Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: habuivsh@gmail.com

tỉnh Trà Vinh (nay là xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) trong một gia đình công chức. Khi Phạm Văn Bạch 3 tuổi, mẹ ông qua đời nên ông được đưa về quê ngoại nuôi dưỡng, tại làng Khánh Lộc, xã Bình Phước, tỉnh Trà Vinh (nay là làng Khánh Lộc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh). Cha ông là Phạm Văn Hãnh, người làng Vĩnh Tế, tỉnh Châu Đốc (nay là phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang).

Phạm Văn Bạch học tiểu học ở Trà Vinh, trung học ở Cần Thơ và Mỹ Tho. Sau khi tham gia biểu tình đòi trả tự do cho 4 học sinh bị bắt giam (vì bị tình nghi bãi học chính trị để tang cụ Phan Chu Trinh), Phạm Văn Bạch bị đuổi học. Năm 16 tuổi, ông sang Pháp du học và sau đó tốt nghiệp loại giỏi cử nhân luật học và cử nhân triết học. Ông tham gia hoạt động trong Đoàn Thanh niên Cộng sản Pháp tại tỉnh Rhône và có nhiều bạn bè là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Năm 1936, ông hoàn thành Luận án tiến sĩ Luật học tại Đại học Lyon với Đề tài “*Le marxisme agraire et l’expérience russe*” (Chủ nghĩa Marx về vấn đề ruộng đất và thực tiễn nước Nga Xô viết)¹.

Để thực hiện đề tài luận án này, Phạm Văn Bạch đã tham khảo 78 công trình nghiên cứu mà phần lớn trong đó là các bản dịch tiếng Pháp, chia thành 3 khối tài liệu, tương ứng với 3 phần: Phần 1- Những công trình cơ bản về chủ nghĩa Marx (15 công trình), Phần 2- Những công trình về lý luận của chủ nghĩa Marx (35 công trình), Phần 3- Những công trình về thực tiễn của nước Nga và tài liệu về vấn đề ruộng đất (28 công trình) (Dẫn theo: Phạm Văn Bạch, 1936: 163-167). Trong đó, những nghiên cứu về

triết học, kinh tế,... của Marx, Engels, Lenin đã ảnh hưởng sâu sắc, chi phối quá trình tìm hiểu và nghiên cứu đề tài luận án của Phạm Văn Bạch. Có thể kể đến các bản dịch tiếng Pháp những nghiên cứu của Marx, Engels, Lenin như: Bộ *Tư bản* (bản dịch tiếng Pháp các năm 1924-1930), *Góp phần đánh giá về chính sách kinh tế* (bản dịch năm 1909), *Chế độ tiền lương và tư bản* (1931), *Ngày 18 tháng sương mù và Louis Bonaparte* (bản dịch năm 1928), *Luận án của Feuerbach* (bản dịch năm 1930), *Cách mạng và chống cách mạng ở Đức* (bản dịch năm 1933), *Sự bản cùng của triết học* (bản dịch năm 1896), *Công xã Paris* (bản dịch năm 1901); các nghiên cứu của Engels như: *Chiến tranh nông dân ở Đức* (1929), *Vấn đề nông dân ở Pháp và Đức* (1894), *Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học* (1924), *Nghiên cứu triết học* (1935), Luận án của Lenin về vấn đề ruộng đất (1920) (bản dịch tiếng Pháp) (Phạm Văn Bạch, 1936: 149-161),... Bên cạnh đó, Phạm Văn Bạch đã tiếp thu những công trình nghiên cứu của Labriola Antonio, E. Bernstein, Le Blum, N. Boukharine, F. Challaye, A. Cornu, E. David, R. Gonnard, K.Kautsky, P. Lafargue, I. Lapidus và K. Ostrovitianov, V.I. Lenin, G. Plekhanov, A. Philip, Ch. Rappoport, A. Schatz, V. Simkhovitch, I.V. Stalin, Turgeon, E. Vandervelde, E.Varga, Otto von Zwiedineck-Sudenhorst. Những công trình này đã cung cấp cho Phạm Văn Bạch những lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin, các vấn đề cụ thể về lý thuyết kinh tế, nông nghiệp và ruộng đất như: chủ nghĩa xã hội và triết học; Bôn sê vich (Bolshevik) và chủ nghĩa xã hội; vấn đề ruộng đất; học thuyết kinh tế của Marx; Marx, Engels và chủ nghĩa Marx; những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Marx; chủ nghĩa Lenin - lý luận và thực tiễn; chủ nghĩa xã hội và nông nghiệp; cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội

¹ Trong bài “Cổ Chánh án Phạm Văn Bạch - Một tình đầu và Luận án Tiến sĩ khác thường”, Báo Thư dịch là “Cách mạng ruộng đất và thực tiễn Xô viết” (Xem: Báo Thư, 2018).

và chính trị; Henri de Man và cuộc khủng hoảng học thuyết chủ nghĩa xã hội;...

Để có được những thông tin cụ thể về thực tiễn nước Nga Xô viết, Phạm Văn Bạch đã tham khảo các công trình nghiên cứu của các tác giả như E. Antonelli, A. Liesse, Bertrand Russell, E. Schkaff, Roudin, Ivanitzky, Varga, Ricow, J. Lescure, I.V. Stalin, A. Feller, Kurella, Lucien Laurat, A. De Monzie, William Henry Chamberlin, Guido Miglioli, V. Kouibychev, F. Perroux, H. Barbusse, B. Souvarine, R. Mossé, Jean Renaud, Hélène Iswolsky. Những công trình này tập trung vào các chủ đề như: Nước Nga Bolshevik; Thực tiễn chủ nghĩa xã hội ở Nga; Thực tiễn và lý luận của chủ nghĩa Bolshevik; Vấn đề nông nghiệp ở Nga; những vấn đề căn bản của Luật nông nghiệp; tổ chức nông nghiệp; Nguồn gốc của cách mạng ở Nga; Chế độ cũ và những vấn đề xã hội; Cuộc cách mạng của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết; Kinh tế Xô viết; báo cáo Đại hội Đảng Cộng sản lần thứ 17 của Nga; Chủ nghĩa tập thể của nông thôn Xô viết; Staline; Vùng đất Xô viết (Dẫn theo: Phạm Văn Bạch, 1936: 166-167)...

Trên cơ sở tiếp cận được khối tài liệu hết sức căn bản, quan trọng về chủ nghĩa Marx-Lenin cũng như thực tiễn nước Nga Xô viết và khối lượng tài liệu khổng lồ bằng tiếng Pháp về triết học, lịch sử, luật học..., Phạm Văn Bạch đã chọn lọc, sắp xếp và xử lý có hệ thống. Qua đó có thể thấy cách làm việc nghiêm túc, chần chừ, khoa học của ông cùng sức làm việc dồi dào và tinh thần lao động miệt mài đã giúp luận án của Phạm Văn Bạch được trình bày mạch lạc, logic và khoa học.

Luận án của Phạm Văn Bạch gồm 3 chương (Phạm Văn Bạch, 1936: 7-8), tương ứng với 3 luận điểm cơ bản: Chương thứ nhất: *Vấn đề ruộng đất và chủ nghĩa Marx*

(Mục 1: Chủ nghĩa Marx về ruộng đất và chủ nghĩa vật chất, Mục 2: Chủ nghĩa Marx về ruộng đất và chủ nghĩa Marx về chủ nghĩa xã hội, Mục 3: Chủ nghĩa Marx về ruộng đất và vấn đề chính trị); Chương thứ hai: *Cách mạng ruộng đất Xô viết và chủ nghĩa Marx về nông nghiệp* (Mục 1: Những ý kiến có liên quan đến sự ra đời của cách mạng ruộng đất, Mục 2: Những ý kiến có liên quan đến chính sách ruộng đất Xô viết trong mối quan hệ với chủ nghĩa Marx về ruộng đất); Chương thứ ba: *Những kết quả của chính sách ruộng đất Xô viết*.

Ở chương thứ nhất, Phạm Văn Bạch đã làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Marx về vấn đề ruộng đất, về vấn đề vật chất, mối quan hệ của hai mệnh đề này. Ông dẫn lại lời của Marx và Engels trong tác phẩm *Étude philosophiques* như sau: “Vật chất không phải là một sản phẩm tinh thần, nhưng tinh thần lại chỉ là một sản phẩm đặc biệt của vật chất” (Xem: Phạm Văn Bạch, 1936: 11). Bên cạnh đó, Phạm Văn Bạch cũng trình bày sự ra đời của nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hóa nông nghiệp, những điều kiện của sở hữu và khai thác nông nghiệp tư bản, những nông trường lớn trong nông nghiệp tư bản, nông nghiệp tư bản và chủ nghĩa đế quốc... Ở chương thứ hai, Phạm Văn Bạch phân tích vấn đề cách mạng ruộng đất Xô viết và chủ nghĩa Marx bàn về nông nghiệp. Trong đó, ông trích dẫn lời của Francois Perroux (1903-1987) khi chỉ ra nguyên nhân của cách mạng ruộng đất ở nước Nga Xô viết là: “Cuộc điều tra năm 1905 buộc tội rằng khoảng 2,2 triệu hộ gia đình nông dân không có ruộng đất, chiếm gần 15% tổng số nông dân” (Xem: Phạm Văn Bạch, 1936: 75). Trong chương thứ ba, Phạm Văn Bạch đã thống kê kết quả của cách mạng ruộng đất ở nước Nga Xô viết và khẳng định diện tích đất và sản lượng nông nghiệp tăng trưởng so với

trước. Trong đó, diện tích đất tăng từ 105 triệu ha (năm 1913), lên 118 triệu ha (năm 1929) và đạt tới 129,7 triệu ha (năm 1933); sản lượng nông nghiệp từ 698,7 tấn (năm 1929) tăng lên 898 tấn (năm 1933); giá trị thu hoạch hoa lợi tăng 12% từ năm 1913 đến năm 1933 (Xem: Phạm Văn Bạch, 1936: 132-134).

Ở phần kết luận, Phạm Văn Bạch đưa ra những nhận xét, cũng là những đóng góp mới của Luận án như sau: Sẽ là không đúng khi cho rằng sự ra đời của cách mạng ruộng đất ở nước Nga Xô viết đã diễn ra trái ngược hoàn toàn so với tiên đoán của Marx. Người ta không thể dựng lên ý tưởng đó bằng cách gán sai cho Marx và Engels tư tưởng rằng tập trung tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp là điều kiện tất yếu để thực hiện chủ nghĩa xã hội công nông. Một ý tưởng như vậy, dường như đi ngược với quan điểm của chủ nghĩa Marx về cách mạng xã hội chủ nghĩa (Xem: Phạm Văn Bạch, 1936: 143).

Trên thực tế, nếu tập thể hóa tư bản nông nghiệp có thể tạo điều kiện thuận lợi cho mọi chính sách xã hội hóa ruộng đất, thì đó không phải là điều kiện tất yếu để chủ nghĩa xã hội công nông ra đời. Tất cả học thuyết của chủ nghĩa Marx dường như đã chỉ ra điều này một cách rõ ràng. Tập thể hóa nông nghiệp tư bản một chiều không phải là quy luật tiến hóa nông nghiệp theo tư tưởng của Marx; trong khi đó, mặt khác, những mâu thuẫn kinh tế và xã hội do sự phát triển toàn cầu của chủ nghĩa tư bản gây ra chắc chắn phải thúc đẩy ở nông thôn nhu cầu đấu tranh cách mạng không khác gì ở thành thị. Vì những lý do này, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội công nông ở một quốc gia phụ thuộc đáng kể vào kết quả của cuộc cách mạng xã hội của họ. Và cuộc cách mạng này, vào thời điểm hiện tại, đã nảy sinh không chỉ trong phạm vi

của một quốc gia mà còn trên phạm vi quốc tế, trong đó đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Marx vốn đã tự được đặt ở vai trò lịch sử. Đó là lý do tại sao cuộc cách mạng của Đảng Bolshevik (Đảng Cộng sản Nga) lại mang tầm quốc tế. Và nó là chính xác nếu xét dưới góc độ rằng Stalin đã có thể bảo vệ được cuộc Cách mạng Tháng Mười năm 1917 tại một quốc gia kém phát triển về kỹ thuật với nền nông nghiệp còn rất lạc hậu...

Ngoài ra, kinh nghiệm của nước Nga Xô viết, vốn chưa từng diễn ra trong lịch sử, tự nó đã cho thấy nỗ lực hiện thực hóa một học thuyết mà người ta có thể phê phán những thiếu sót về mặt lý thuyết của chủ nghĩa xã hội. Thế nhưng cũng chính những kinh nghiệm đó đã đặt ra những tiền đề chắc chắn, bởi thế mà những người Bolshevik, khi tiếp xúc với các điều kiện kinh tế và xã hội cụ thể của nước Nga Xô viết, đã có thể lấy cảm hứng từ nó, để vượt qua mọi trở ngại trong quá trình xây dựng tiến bộ của một nước cộng hòa vì những người công nhân. Chính sách ruộng đất của Liên Xô vẫn hoàn toàn phù hợp với chủ nghĩa Marx chính thống. Nó không ngừng dẫn dắt người nông dân đi theo mô hình lao động hợp tác xã trên cơ sở quốc hữu hóa tập thể, tự điều chỉnh theo từng thời kỳ trong quá trình đi lên của mình sao cho phù hợp với hoàn cảnh kinh tế và xã hội cụ thể.

Chủ nghĩa cách tân nông nghiệp của Marx phải mất một thời gian dài mới được thực hiện đầy đủ ở nước Nga Xô viết. Nhưng những kết quả đạt được có thể coi là một thành công đáng khích lệ nhất. Những đảng viên Đảng Bolshevik, những người muốn thu được thành quả nhiều hơn mỗi ngày, là những người đảm bảo cho chiến thắng của cuộc cách mạng ruộng đất. Một là: cải tiến liên tục nhằm không ngừng tạo ra của cải vật chất mà không để xảy ra rủi

ro về sản lượng dư thừa, sự đa dạng trong các nông trường tập thể, còn được gọi là mô hình Kolkhoz; Hai là: sự phát triển ngày càng tăng và nhanh chóng của việc bổ túc kiến thức ở vùng nông thôn để gia tăng số lượng người lao động có trình độ. Hai điểm này, tạo thành cơ sở về mặt kỹ thuật của cuộc cách mạng ruộng đất, có tầm quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa. Đường như không có trở ngại nào có thể cản trở việc đạt được những mục tiêu này của những “con người mới”, có ý thức và có trách nhiệm, những người sinh ra trên đất nước Nga Xô viết nhờ những điều kiện sống và công việc mới.

Cuối cùng, vấn đề phẩm chất con người, vốn là trung tâm của chủ nghĩa Marx, đường như đã đi đúng hướng và được giải quyết trong các chiến dịch cải cách của đất nước này. Người nông dân làm việc trong một nông trường tập thể được sắp xếp đi theo mô thức khoa học mới, được đảm bảo quyền lợi vĩnh viễn về công ăn việc làm, từ đó giúp họ thoát khỏi nỗi lo về tương lai, và được kêu gọi phải cải tiến lao động không ngừng.

Sự đảm bảo về vật chất của mô hình Kolkhoz là kết quả của chủ nghĩa xã hội, đơn thuần giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người đối với công việc của mình, từ đó khơi dậy và thúc đẩy trong anh ta sự chú tâm mà ai ai cũng cần có khi làm bất cứ ngành nghề gì trong xã hội.

Từ chỗ thuộc hàng ngũ 100 triệu nông dân nghèo và túng thiếu, chủ nghĩa xã hội nông nghiệp mới đã biến họ thành những con người làm chủ cuộc sống, bằng cách cho họ sở hữu đất đai, tư liệu sản xuất. Chủ nghĩa xã hội đem đến một nền kinh tế không có khủng hoảng, viễn cảnh về khả năng phát triển công bằng của mỗi người dựa trên năng lực và chuyên môn của mình. Chính bằng cách này mà ở nước

Nga Xô viết, người ta hy vọng sẽ biến con người - theo cách nói của Stalin - trở thành “vốn quý nhất”. Bởi lẽ sự phát triển về nhân cách đạo đức con người mới là thứ dẫn đến những khám phá tìm tòi, tiến bộ kỹ thuật. Và mỗi sáng tạo mới, thông qua việc thúc đẩy con người lao động, chỉ có thể tăng lên, trong một xã hội mà lợi nhuận được xã hội hóa, tương đương với mức độ hạnh phúc và văn hóa của người dân. Ở nước Nga Xô viết, nơi “thi đua” theo nghĩa cao nhất của từ này là một đức tính quốc gia, nỗ lực sáng tạo của mọi người được quan sát và hỗ trợ, những người đặt hy vọng vào sự thành công của nghiên cứu và thử nghiệm. Do đó, ở vùng nông thôn nước này, thứ mà Marx đã nói “ở đó sự phát triển tự do của mỗi người sẽ là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” là một nguyên tắc xã hội đường như đã được khẳng định.

Một khi được thực hiện, thì những kinh nghiệm cải cách nông nghiệp của nước Nga Xô viết, được đúc rút từ những thành công cũng như những sai lầm, là những bài học quý giá cho việc giải phóng nhân loại khỏi những lo âu hiện tại. Người ta xúc động trước nỗ lực to lớn của nước Nga Xô viết, đã lan tỏa lời kêu gọi thống thiết này của André Gide: “Đừng chệnh mảng, hỡi lực lượng trẻ của nước Nga đôi mới” (Phạm Văn Bạch, 1936: 147).

3. Ảnh hưởng của Luận án tiến sĩ đến sự nghiệp của Phạm Văn Bạch

3.1. Sự nghiệp tư pháp của Tiến sĩ Phạm Văn Bạch

Phạm Văn Bạch có “ước mơ” trở thành Luật sư từ năm 1935 (và đã nhiều lần thực hiện các công việc của một luật sư ở Sài Gòn, Phnom Pênh, Cần Thơ). Nhưng phải 10 năm sau, sau ngày Nhật Bản đảo chính Pháp và độc chiếm Đông Dương (ngày 09/3/1945), ông mới thực

sự được “Nhật quyết định trưng dụng làm Chánh án” (Nhiều tác giả, 1999: 81) ở tỉnh Bến Tre.

Vị Chánh tòa tỉnh Bến Tre chưa kịp làm gì thì chính quyền phát xít Nhật sụp đổ cùng với cuộc bại trận của chủ nghĩa phát xít Nhật trong Chiến tranh thế giới lần thứ Hai. Nhưng từ đây, Tiến sĩ Luật học Phạm Văn Bạch đã có một cuộc đời khi được đáp lên con tàu cách mạng của nền dân chủ cộng hòa, trên chính quê hương, Tổ quốc Việt Nam yêu dấu của mình - mở đầu là cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân - thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945, và ngay sau đó là cuộc kháng chiến bảo vệ nền tự do và độc lập.

Trong khoảng 10 năm (1945-1955), Phạm Văn Bạch đã được giao nhiều trọng trách: Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre (ngày 25/8/1945), Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Nam bộ (từ ngày 11/9/1945), Chủ tịch Ủy ban Hành chính Nam bộ (từ ngày 22/11/1945), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến miền Nam (từ tháng 12/1946-3/1948), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến kiêm hành chính Nam Trung bộ và Ủy ban Kháng chiến kiêm hành chính Nam bộ (từ tháng 3/1948). Luật sư Phạm Văn Bạch đứng đầu bộ máy chính quyền ở Nam bộ đã cùng cán bộ chiến sĩ ra công tác ở Thủ đô, vào chiến trường chỉ đạo kháng chiến, cùng quân đội và nhân dân vào bưng biển, lên chiến khu, đi tập kết, ... trong suốt khoảng thời gian này. Ông đã giữ nhiều cương vị ở nhiều cấp chính quyền và ở bất cứ cương vị nào ông cũng thể hiện sự “thấm nhuần pháp luật”, “cầm cân nảy mực” về pháp luật. Đặc biệt, từ tháng 9/1959 Tiến sĩ Phạm Văn Bạch được Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tại kỳ họp thứ 10 phê chuẩn giữ chức vụ Chánh án Tòa án Nhân

dân Tối cao. Các khóa Quốc hội tiếp theo vẫn tín nhiệm ông giữ cương vị này cho đến khi ông nghỉ hưu vào tháng 7/1981.

Cùng với cương vị và trách nhiệm cao nhất của người đứng đầu ngành tư pháp, người cộng sản, luật sư Phạm Văn Bạch còn tham gia nhiều công việc tư pháp và công pháp khác: Ủy viên Ủy ban Khoa học Nhà nước, phụ trách ngành Luật học (tháng 9/1959-7/1966); thành viên Ban soạn thảo Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980; Phó Chủ tịch rồi Chủ tịch Ủy ban Điều tra tố cáo tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam (tháng 7/1966-1979); Viện trưởng Viện Luật học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội - nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (năm 1967-tháng 10/1972); Phó Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam (từ Đại hội thành lập ngày 29/3/1955 đến Đại hội lần thứ 6 ngày 11/4/1980), ... Trên trường quốc tế, ông là thành viên của Tòa án Quốc tế Bertrand Roussel II, Phó Chủ tịch Hội Luật gia Dân chủ Quốc tế (tháng 2/1974)...

3.2. Một số nhận xét

Được đào tạo về luật học và đạt học vấn cao nhất về ngành được đào tạo (Tiến sĩ), nên khi giữ trọng trách người đứng đầu ngành tư pháp của Việt Nam trong 22 năm (1959-1981), Phạm Văn Bạch đã rất quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng hàng trăm cán bộ chủ chốt của Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân và các ban ngành khối nội chính Việt Nam (Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ban Nội chính Trung ương, Học viện An ninh).

Luận án tiến sĩ chỉ là chỉ dấu một trình độ học vấn, người có chỉ dấu ấy như Tiến sĩ Luật học Phạm Văn Bạch đã từ nghiên cứu lý thuyết đi vào thực tế quốc gia dân tộc để kiểm nghiệm và cống hiến thực sự. Được tin cậy và giao nhiệm vụ, Tiến sĩ Luật học Phạm Văn Bạch đã tham gia vào việc đặt

nền móng xây dựng và hoàn chỉnh nền tư pháp Việt Nam.

Năm 1946, tín nhiệm trước tài năng, kiến thức pháp luật của Phạm Văn Bạch, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời ông tham gia Ủy ban soạn thảo Hiến pháp của Quốc hội. Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa trở thành vũ khí sắc bén trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc chiến thắng kẻ thù trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Năm 1959, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, cần phải có Hiến pháp mới, Tiến sĩ Luật học Phạm Văn Bạch tiếp tục được cử vào Ủy ban soạn thảo Hiến pháp năm 1959. Năm 1980, lần thứ 3 ông được tín nhiệm đề cử vào Ủy ban soạn thảo Hiến pháp khi cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa.

Đó là sự góp sức vào quá trình xây dựng vũ khí sắc bén trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam; Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi công dân; Huy động khối đại đoàn kết toàn dân vào công cuộc đấu tranh chống kẻ thù, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, góp phần quan trọng trong cuộc đấu tranh ngoại giao nhằm khẳng định tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc Việt Nam.

Trên cương vị thành viên Ban Pháp luật của Quốc hội, Ban Pháp chế của Đảng và là Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, Tiến sĩ Phạm Văn Bạch luôn có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, ban hành cũng như đưa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi vào thực tế cuộc sống. Ở cương vị Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, ông luôn sắc sảo nghiệp vụ, liêm khiết, tận tụy với nghề; nêu gương làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với ngành Tòa án: “Phụng công thủ pháp, chí công vô tư” với phương châm “Gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”.

4. Thay lời kết

Phạm Văn Bạch có một thời tuổi trẻ du học ở phương Tây, luôn ham học và say sưa nghiên cứu. Ông được người con gái chính quốc (là Lucelte Chagnieux - Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản tỉnh Rhône, Pháp) chia sẻ những quan điểm trong Luận án tiến sĩ và tình yêu đôi lứa đã đến với họ - Một tình yêu mà chính chàng trai yêu nước ấy đã ghi trong hồi ký “*Qua Lucelte tôi tìm được trong Hiến pháp Xô viết và thực tiễn Xô viết giải pháp đúng đắn cho cả hai vấn đề căn bản: Dân tộc và giai cấp!*” (Dẫn theo: Xuân Ba, 2023).

Câu chuyện Luận án tiến sĩ về đề tài luật pháp Xô viết ấy không chỉ đi vào kỷ niệm một đời người, mà còn đi vào ký ức của cả dân tộc về đội ngũ trí thức đồng hành cùng dân tộc và Tổ quốc lúc sơn hà nguy biến. “Một người Việt Nam trẻ tuổi, lần đầu tiên tại những trường Đại học Pháp, nghiên cứu về đường lối của Marx một cách chính thống” (Trần Dũng, 2015) □

Tài liệu tham khảo

1. Xuân Ba (2023), “‘Bao Công’ Phạm Văn Bạch hay là chuyện may, rủi Tạ Đình Đề”, Báo điện tử *Tiền phong* ngày 02/7/2023, <https://tienphong.vn/bao-cong-pham-van-bach-hay-la-chuyen-may-rui-ta-dinh-de-post1547826.tpo>.
2. Pham Van Bach (1936), *Le marxisme agraire et l'expérience russe*, Thèse soutenue devant la faculté de droit de l'Université de Lyon pour le doctorat en droit, Lyon, Bosc Frères M. & L.Riou: Imprimeurs-Éditeurs.
3. Nhiều tác giả (1999), *Nam Bộ: Thành đồng tổ quốc đi trước về sau, Hồi ký kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

(xem tiếp trang 28)